

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mỹ Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tống Văn Tâm

Ông Nguyễn Quốc Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lệnh Khâm Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 25/2025/TLST-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty TNHH T2; địa chỉ: F, đường N, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn T - Chủ tịch kiêm giám đốc công ty; địa chỉ: số D đường N, khu dân cư B, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1999 và bà Đinh Thị Trúc N, sinh năm 2002 cùng địa chỉ: F, đường N, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản uỷ quyền ngày 18/12/2024); có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Công ty TNHH T3; địa chỉ: thửa đất số 528, tờ bản đồ số 41, đường Đ, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T1 – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; vắng mặt

2. Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Năm 2022, Công ty TNHH T2 (Sau đây gọi tắt là “Công ty H”) và Công ty TNHH Một thành viên T3 (Từ ngày 12/7/2024 đã đổi tên thành Công ty TNHH T3 - sau đây gọi tắt là “Công ty T3”) đã thỏa thuận mua bán đầu nhót các loại.

Thực hiện đúng theo thỏa thuận, Công ty H đã tiến hành giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T3. Công ty T3 đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán toàn bộ giá trị hàng hóa cho Công ty H. Ngày 30/12/2023, hai bên ký Bảng đối chiếu công nợ xác nhận Công ty T3 còn nợ số tiền gốc là 447.675.000 đồng. Ngày 31/5/2024, hai bên tiếp tục ký Bảng đối chiếu công nợ xác nhận Công ty T3 còn nợ số tiền gốc là 296.275.000 đồng. Tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/5/2024, ông Nguyễn Thành T1 đã cam kết sẽ trả số tiền còn nợ cho Công ty H với nội dung: “Công nợ này tôi tên Nguyễn Thành T1 sẽ trả vào ngày 15 hàng tháng, 1 tháng tôi sẽ trả 50.000.000 đồng”. Do đó, Công ty T3 và ông Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty H số tiền nợ gốc là 296.275.000 đồng.

Mặc dù, Công ty H đã nhiều lần yêu cầu Công ty T3 và ông Nguyễn Thành T1 liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán bằng nhiều cách thức khác nhau nhưng đến ngày 27/01/2025 Công ty T3 chỉ mới thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 50.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 22/8/2024 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng, ngày 21/12/2024, thanh toán số tiền 20.000.000 đồng, ngày 27/01/2025, thanh toán số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc mà Công ty T3 và ông Nguyễn Thành T1 còn phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H là 246.275.000 đồng.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005 có quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Do Công ty T3 đã không thanh toán theo thỏa thuận nên Công ty T3 và ông Nguyễn Thành T1 còn có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền lãi chậm trả phát sinh cho Công ty H theo lãi suất 10%/năm kể từ ngày đến hạn cho tới ngày thanh toán đầy đủ các khoản nợ. Theo đó, số tiền lãi chậm trả phát sinh (Tính đến ngày 27/5/2025) là 26.671.658 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 27/5/2025 mà Công ty T3 và ông Nguyễn Thành T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H là 272.946.658 đồng. Do đó, Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T3 và ông Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền gốc 246.275.000 đồng và tiền lãi 26.671.658 đồng và phải tiếp tục chịu tiền lãi chậm

trả tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản nợ.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Công ty H yêu cầu Công ty T3 và ông Nguyễn Thành T1 cùng liên đới trả số tiền gốc 246.275.000 đồng và tiền lãi 26.671.658 đồng. Ông Nguyễn Thành T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty T3 tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/5/2024 có nội dung: “*Công nợ này tôi tên Nguyễn Thành T1 sẽ trả vào ngày 15 hàng tháng 1 tháng tôi sẽ trả số tiền 50.000.000 đồng*”. Ngoài chứng cứ này ra không còn chứng cứ nào khác khẳng định ông Nguyễn Thành T1 đồng ý trả nợ thay cho Công ty T3. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thành T1 có nghĩa vụ liên đới với Công ty T3 trả nợ là không có cơ sở. Giữa Công ty H và Công ty T3 đã có bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2024 và Công ty T3 đã trả nợ vào các ngày 22/8/2024 thanh toán số tiền 20.000.000 đồng, ngày 21/12/2024, thanh toán số tiền 20.000.000 đồng, ngày 27/01/2025, thanh toán số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H buộc Công ty T3 trả tiền nợ gốc là 246.275.000 đồng và tiền lãi 26.671.658 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về việc vắng mặt của bị đơn: Công ty T3 không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký và ông Nguyễn Thành T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty T3 đồng thời là bị đơn trong vụ án có đăng ký thường trú và có sinh sống tại địa chỉ tổ D, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho các bị đơn hợp lệ. Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn.

*Về nội dung vụ án:*

[2] Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2024, Công ty T3 còn nợ Công ty H số tiền 296.275.000 đồng. Ngày 22/8/2024, Công ty T3 trả 20.000.000 đồng, ngày 21/12/2024 trả tiếp 20.000.000, ngày 21/01/2025, trả tiếp 10.000.000 đồng. Hiện còn nợ 246.275.000 đồng.

Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty T3 và ông Nguyễn Thành T1 liên đới trả số tiền nợ 246.275.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Xét thấy, nguyên đơn căn cứ vào nội dung xác nhận tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 31/5/2024: “*Công nợ này*

tôi tên Nguyễn Thành T1 sẽ trả vào ngày 15 hàng tháng 1 tháng tôi sẽ trả số tiền 50.000.000 đồng”. Xét thấy, Công ty T3 còn nợ Công ty H số tiền 246.275.000 đồng. Ông Nguyễn Thành T1 (Là người đại diện theo pháp luật của Công ty T3) cam kết hàng tháng sẽ trả 50.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh ông T1 đồng ý trả nợ thay cho Công ty T3 với tư cách cá nhân. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thành T1 phải liên đới trả nợ là không có cơ sở. Xét thấy, có cơ sở buộc Công ty T3 trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 246.275.000.

[3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả: Mức lãi suất của Ngân hàng N1 là 9%/năm, Ngân hàng Thương mại cổ phần T4 là 11,3%, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là 11,76%/năm. Bình quân lãi suất của ba ngân hàng là 10,68%/năm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu suất 10%/năm để tính tiền lãi chậm trả là phù hợp.

Tiền lãi từ ngày 31/5/2024 đến ngày 22/8/2024: 296.275.000 đồng x 84 ngày x 10%/năm = 460.274 đồng.

Tiền lãi từ ngày 23/8/2024 đến ngày 21/12/2024: 276.275.000 đồng x 205 ngày x 10%/năm = 1.123.288 đồng.

Tiền lãi từ ngày 22/12/2024 đến ngày 27/01/2025: 256.275.000 đồng x 242 ngày x 10%/tháng = 663.014 đồng.

Tiền lãi từ ngày 28/01/2025 đến ngày 27/5/2025: 246.275.000 đồng x 362 ngày x 10%/năm = 24.425.082 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 26.671.658 đồng.

Công ty T3 có nghĩa vụ trả cho Công ty H số tiền lãi chậm trả là 26.671.658 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11, 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T2: Buộc Công ty TNHH T3 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T2 số tiền 246.275.000 (Hai trăm bốn mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng và tiền lãi 26.671.658 (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm năm mươi tám) đồng.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại cho đến khi thi hành án xong.*

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T2 về việc buộc ông Nguyễn Thành T1 phải có trách nhiệm liên đới với Công ty TNHH T3 trả tiền gốc 246.275.000 đồng và tiền lãi 26.671.658 đồng cho Công ty TNHH T2.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty TNHH T3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 13.647.333 (Mười ba triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng.

3.2. Công ty TNHH T2 không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.300.000 (Bảy triệu ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004978 ngày 14/02/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Mỹ Trúc**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tp. Tân Uyên;
- Chi cục THADS tp. Tân Uyên (để thi hành án);
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, HS.

**Ngô Thị Mỹ Trúc**